

THI TRẮC NGHIỆM - MỘT HÌNH THỨC ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN CÓ NHIỀU ƯU ĐIỂM

TS. NGUYỄN THỊ HIỀN*

1. Cùng với quá trình chuyển đổi phương thức đào tạo, việc đánh giá kết quả các môn học ở trường đại học cũng đã có nhiều thay đổi. Ở nhiều trường, số lượng các môn học có bài thi hết học phần được tổ chức theo hình thức thi *trắc nghiệm* (TN). Tuy nhiên, nhiều ý kiến cho rằng, các môn thuộc khoa học xã hội và đặc biệt các môn lí luận chính trị phải cho SV làm bài viết (tự luận). Ở Trường Đại học Luật Hà Nội, môn học *Những nguyên lí cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin* áp dụng thi TN, sử dụng máy chấm ngay năm đầu tiên thực hiện đào tạo theo tín chỉ. Trường Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội cũng được áp dụng thi TN trên máy cả một số môn học lí luận chính trị từ vài năm trở lại đây. Ngoại ngữ được nhiều trường áp dụng thi TN từ lâu. Tuy chưa có trường nào ở Việt Nam áp dụng thi TN 100% các môn học nhưng ngày càng có thêm nhiều môn học áp dụng hình thức thi này. Trong những năm gần đây, số lượng môn thi tuyển sinh đại học áp dụng hình thức thi TN cũng tăng thêm.

Có thể xem bảng so sánh giữa 2 hình thức thi TN, sử dụng máy chấm thi với thi viết, GV chấm trực tiếp từng bài thi (xem bảng):

Các tiêu chí	Thi TN	Thi viết (tự luận)
1. Khả năng hạn chế yếu tố chủ quan của GV	cao	thấp
2. Phạm vi bao quát của kiến thức trong đề thi	rộng	hẹp
3. Khả năng SV chép bài của nhau	rất thấp	cao
4. Khả năng mang tài liệu và sử dụng trái phép trong phòng thi của SV	rất thấp	cao
5. Thực hiện mục đích phân loại năng lực của SV	Mức độ rất cao	không cao

Tóm lại, trong phạm vi quan hệ giữa sinh viên (SV) với SV trong phòng thi và SV với giảng viên (GV) chấm thi, việc tổ chức thi học phần bằng hình thức thi TN, sử dụng máy chấm thi có khả năng ngăn chặn tối đa các hành vi gian lận trong thi cử; do đó, thực hiện yêu cầu đánh giá đúng và phân loại đúng năng lực học tập và tiếp thu kiến thức của SV cao hơn so với hình thức thi viết (GV chấm thi thủ công). Những ưu

điểm đó có được chính là nhờ áp dụng công nghệ hiện đại, chuyển đổi từ kĩ thuật thủ công lên kĩ thuật tự động trong khâu chấm bài của quá trình dạy học.

Ngoài ưu điểm trong đánh giá kết quả học tập như đã nêu, thi TN và sử dụng máy chấm thi đã giảm bớt chi phí và đơn giản hoá việc tổ chức chấm thi. GV có thêm thời gian để tham gia nghiên cứu khoa học, nâng cao trình độ hoặc tham gia các hoạt động khác của nhà trường. Nhà trường giảm được bớt chi phí đào tạo nhờ cắt giảm các khoản chi cho việc rọc phách, ghép phách và quản lí, giám sát việc chấm bài trong thời gian dài, góp phần nâng cao chất lượng học tập của SV, có điều kiện để đánh giá đúng chất lượng giảng dạy của GV và hiệu quả sử dụng cơ sở vật chất kĩ thuật (hiệu quả sử dụng vốn) của các trường.

Tuy nhiên, những ưu điểm của thi TN, sử dụng máy chấm thi sẽ giảm đi nếu để xảy ra tình trạng người đi thi liên lạc và nhận được đáp án từng câu hỏi từ bên ngoài phòng thi; nghiêm trọng hơn là có sự "giúp sức" của giám thị phòng thi... Những "kê hở" nêu trên có khả năng tồn tại nhưng để triệt tiêu chúng không thuộc phạm vi chấm thi nữa.

Việc xoá bỏ những "kê hở" nói trên là việc phải tính đến trong việc quản lí thi và đó cũng là yêu cầu phối hợp nhiều khâu trong quá trình GD-ĐT đại học nói chung và đánh giá kết quả học tập nói riêng mới nâng cao thực sự chất lượng đào tạo của các nhà trường.

2. Một số biện pháp để nâng cao hiệu quả hoạt động đánh giá kết quả học tập của SV chính quy ở các trường đại học trong thời gian tới

1) *Mở rộng hình thức thi TN, sử dụng máy chấm thi đồng thời tăng cường quản lí các khâu khác liên quan đến thi học phần (thi hết môn học)*: Như đã phân tích, ưu điểm của thi TN và sử dụng máy chấm thi chỉ được khai thác tối đa khi có sự phối hợp của nhiều hoạt động: chuẩn bị bộ đề thi, quản lí đề thi, quản lí coi thi... cho đến khi thông tin trên từng bài làm của SV đã được đưa vào máy và in ra thành bảng điểm chính thức. Sự phối hợp này càng

* Khoa Lí luận chính trị - Trường Đại học Luật Hà Nội

đầy đủ, càng chặt chẽ thì những ưu điểm của thi TN sử dụng máy chấm thi càng được khai thác triệt để. Ưu điểm nổi trội của thi TN, sử dụng máy chấm thi là nó có khả năng quản lý cả người học và người dạy. Hiện tại, hình thức thi TN còn chưa phổ biến; có trường chưa áp dụng (do chưa có phần mềm và máy quét để chấm thi), có trường đã trang bị các công cụ trên nhưng hình thức tổ chức thi này vẫn chỉ áp dụng ở phạm vi một số ít môn học. Nguyên nhân diễn ra tình trạng đó có nhiều, song nguyên nhân căn bản là tư tưởng "ngại" đổi mới của các GV và một số nhà quản lý; song hiệu quả của thi TN, sử dụng máy chấm thi chắc chắn sẽ cao hơn khi các trường mở rộng phạm vi thực hiện so với hiện tại.

Đồng thời với mở rộng phạm vi thi TN, sử dụng máy chấm đến tất cả các môn học trong các trường, việc quản lý hoạt động tổ chức thi, chấm thi phải được tăng cường. Xét chi tiết, tổ chức thi học phần cho SV bao gồm nhiều hoạt động, trong đó có 2 khâu chủ đạo: phân công giám thị coi thi và giám sát SV trong phòng thi.

Thực tế, việc lựa chọn giám thị phòng thi ở một số khoa, một số trường chưa được coi trọng đúng mức; mới tập trung giải quyết vấn đề đủ người (số lượng), chưa chú ý đến vấn đề khả năng, mức độ thực thi trách nhiệm của từng cá nhân (chất lượng).

Để hạn chế và xoá bỏ tình trạng trên, việc cử người coi thi và phân công giám thị phòng thi cần được chú ý; đặc biệt khâu bố trí giám thị vào từng phòng thi phải mang tính ngẫu nhiên (ngẫu nhiên thực chất chứ không phải ngẫu nhiên hình thức); khó khăn trong việc huy động lực lượng GV đi coi thi trong các kì thi có thể được giải quyết từ khâu bố trí dàn trải lịch thi và hợp tác giữa các khoa với nhau để bố trí GV đi coi thi.

2) Nâng cao chất lượng của hệ thống bài tập và bộ đề thi TN: Việc đánh giá kết quả học tập của SV chính quy giúp phân loại đúng năng lực của từng SV phụ thuộc một phần đáng kể vào chất lượng các đề bài tập và đề thi. Với những bài tập cá nhân, bài tập nhóm, bài tập lớn cuối kì SV không làm tập trung trên lớp, do vậy về nội dung không nên chỉ yêu cầu đúng và đủ ở mức thuần tuý lí luận (lí thuyết), tức là sao chép được hoàn toàn ở giáo trình hay vở ghi hoặc một tài liệu nhất định. Vì các loại bài tập trên SV thực hiện không có sự giám sát trực tiếp của GV, nên đề bài tập dù ở mức thấp nhất (bài tập tuần đầu tiên) phải có yêu cầu về nội dung sao cho GV khi chấm bài phân biệt được các bài làm của các SV chọn cùng đề tài. Mỗi khoá học cần có các bài tập với nội dung khác biệt để SV khoá sau không dùng được bài tập của SV khoá

trước, hoặc mua bài tập có sẵn ở các cửa hàng photocopy.

Với đề thi TN cần có số lượng câu hỏi đủ lớn cho mỗi đề thi. Mỗi lần sử dụng, cần có sự rà soát và đổi mới để cập nhật kiến thức và hạn chế tối đa thiệt hại do khả năng đề thi cũ đã bị sao chép và đã bị lộ.

3) Nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của hoạt động đánh giá đúng kết quả học tập cho cả người coi thi và người đi thi: Kết quả học tập của từng môn học làm nên kết quả học tập chung của mỗi SV. Với cơ chế quản lý hiện nay, ít, nhiều có yếu tố cạnh tranh giữa các SV để họ được hưởng các chế độ đãi ngộ trong quá trình học tập tại trường cũng như sau khi tốt nghiệp. Nếu giám thị coi thi làm hết trách nhiệm, công tâm thì hình thức thi TN, sử dụng máy chấm thi sẽ loại bỏ được khả năng SV gian lận trong thi cử. Việc quản lý quan hệ SV với SV trong phòng thi để đảm bảo thực hiện; chỉ còn lại quan hệ giữa SV và giám thị coi thi.

Gần đây, Bộ GD-ĐT đã cho phép người đi thi được mang vào phòng thi những thiết bị có thể lưu giữ chứng cứ; ngăn chặn những hiện tượng gian lận trong thi cử xảy ra liên quan đến giám thị phòng thi; đó là cũng là cơ sở pháp lí tăng cường phòng chống những hành vi gian lận trong thi cử ngày càng tinh vi.

Để ngăn chặn những hành vi gian lận trong phòng thi, cần nâng cao nhận thức cho SV về kết quả thi "sạch" hay điểm "sạch". Một mặt, kết quả thi phản ánh nỗ lực học hành, nghiên cứu của từng cá nhân; mặt khác trong thứ bậc xếp hạng học tập giữa các SV, kết quả đó chỉ đúng khi có những mùa thi nghiêm túc. Trong đó mỗi SV vừa là người bị giám sát, vừa là người có trách nhiệm giám sát cùng với các lực lượng thanh tra phòng thi.

Về phía giám thị coi thi, trước hết phải sử dụng tối đa lực lượng GV làm giám thị phòng thi. Cần phải có quy định trách nhiệm và chế độ đãi ngộ thoả đáng về việc tham gia coi thi của GV để tránh tình trạng trốn tránh trách nhiệm.

Mỗi giám thị khi làm nhiệm vụ coi thi cần nhận thức rõ ràng; hậu quả của những hành vi vô trách nhiệm khi coi thi, những hành vi gian lận trong thi cử sẽ đã phản ánh sai nỗ lực của SV, làm cho thứ bậc, vị trí trong bảng phân loại của SV không đúng. Điều đó dẫn đến việc đãi ngộ, khen thưởng, cấp học bổng dựa trên kết quả đánh giá năng lực học tập sai, gây ra những bất bình, dư luận xấu trong cộng đồng SV, ảnh hưởng đến thương hiệu, đến uy tín của các nhà trường.

Tóm lại, để nâng cao chất lượng GD-ĐT có rất nhiều việc phải làm, nhiều vấn đề phải giải quyết và

phải phối hợp các hoạt động đó một cách thường xuyên, liên tục; nhưng tác động nhanh và hiệu quả cao trước hết là ở hoạt động đánh giá kết quả học tập của SV. □

Tài liệu tham khảo

1. Đánh giá kết quả học tập, nguồn "Tổng hợp duhoc.24h.edu.vn/danh-gia-ket-qua-hoc-tap-hoc-sinh-sinh-vien-156-472.html"
2. Đổi mới công tác đánh giá kết quả học tập của sinh viên - một trong những biện pháp góp phần thay đổi cách dạy, cách học tại trường đại học Bạc Liêu, Nguyễn Tiến Thành - Trưởng phòng đào tạo, www.bu.ed.vn...%20Giao%20duc/thong%20tin%2010.doc
3. Giải pháp nâng cao chất lượng đánh giá kết quả học tập của sinh viên dưới hình thức trắc nghiệm khách quan. luanvan.com.co/luan-van/giai-phap-nang-cao-chat-luong-danh-gia-ket-qua-hoc-tap-cua-sinh-vien-duoi-hinh-thuc-thi-trac-nghiem-khach-quan-6504
4. Học tín chỉ ở Việt Nam có như ở Mỹ www.baomoi.com/hoc-tin-chi-o-viet-nam-co-nhu-o-my/59/9827474.2pi

www.thanhvien.com.vn/papes/20121214/dao-tao-theo-tin-chi-con-nhieu-bat-cap.aspx

5. Đào tạo theo tín chỉ còn nhiều bất cập, Mỹ Quyên, www.thanhvien.com.vn/papes/20121214/dao-tao-theo-tin-chi-con-nhieu-bat-cap.aspx

6. Đào tạo theo tín chỉ ở Mỹ, Nguyễn Hữu Việt Hùng, www.tiasang.com.vn/default.aspx?labind=62&News=1560&catalogyID=6.

7. Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT.

SUMMARY

The educational and training system of Vietnam is under the process of transferring from yearly to credit training system. As a result, a variety of significant changes have occurred: the curriculum, the content of knowledge taught and studied, the application of IT as well as the management of students, lecturers and officers. These changes aim at the quality of graduates i.e. high-quality human power, which is the decisive and basic factor for the competitive competence and the stable development of the nation.

Đổi sách trong giáo dục...

(Tiếp theo trang 57)

- (1) Moise Ioan Achim - Lucia Cawbulea - Maria Popa - Silvia - Stefania Mihalache. **On the role of benchmarking in the higher education quality assessment.** *Annales Univeritatis Apulensis Series Oeconomica*, 2009, pages 853.
- (2) Diane M. Billings. **Using Benchmarking for continuous quality improvement in nursing education.** *Challenges faced by nurse educators*, 2006, pages 174.
- (3) Vũ Thị Phương Anh - Lê Quốc Thắng. "Đổi sách trong quản trị đại học: Kinh nghiệm thế giới và khả năng áp dụng tại Việt Nam". Tạp chí *Phát triển và Hội nhập* số 9, tháng 1/2011, tr. 65.

SUMMARY

In the context of deeply international integration and severe competitiveness in the educational domain at present in Vietnam, educational institutions are pressed to continuously to enhance the training quality for their stable operation and sustainable development. Among the methods and techniques of training quality improvement, benchmarking has emerged as a useful and effective tool. For effectively applying benchmarking method to foreign language education in Vietnam, institutions should understand it, its benefits to them in the competitive education environment and the procedures for carrying out a benchmarking project.

Dạy thêm - học thêm: thực trạng...

(Tiếp theo trang 62)

- (7) Quyết định số: 02/2013/QĐ-UBND ngày 01/02/2013 của chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh về ban hành Quy định về dạy thêm, học thêm trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.
- (8) Quy chế đánh giá xếp loại giáo viên mầm non, giáo viên phổ thông, ban hành kèm quyết định số: 06/2006/QĐ - BNV ngày 21/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.
- (9) Quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở, trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 30/2009/TT-BGDĐT ngày 20/10/2009 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT.
- (10) Quy định về tiêu chuẩn danh hiệu thi đua của khối thi đua trung học phổ thông - ban hành kèm theo Quyết định số: 71/ QĐ-SGD-ĐT ngày 24/10/2012 của giám đốc Sở GD-ĐT Tây Ninh.

SUMMARY

In recent years, education and training industry has proposed several measures to prevent negative overtime in teaching and learning, but not all of the social frustrations. The paper analyzes and points out the negative reasons outside of teaching and learning has not been overcome and set out a number of measures to actively contribute to limit the secondary school teachers teaching the wrong overtime with the provisions of education and training.